

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày 07 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Ông Hoàng Kim Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2021/TLPT-DS ngày 07/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2021/QĐ-PT ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Xuân V, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường H1, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2021); Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Minh H (Vắng mặt), bà Võ Thị Kim L (Có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Minh H:* Bà Võ Thị Kim L; cùng địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn S, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2021); Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn bà Võ Thị Kim L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày:***

Do có quen biết từ năm 2007, bà Huỳnh Thị Đ cho vợ chồng ông Trầm Minh H và bà Võ Thị Kim L vay tiền nhiều lần, đến năm 2015 ông H, bà L đã trả hết nợ cho bà Đ. Sau đó, ông H, bà L tiếp tục vay tiền của bà Đ nhiều lần và 02 cây vàng SJC, để ông H đầu tư các công trình xây dựng. Đến ngày 26/3/2017, hai bên thống nhất chốt lại số tiền nợ và ông H, bà L viết giấy vay của bà Đ với tổng số tiền 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC. Khi viết giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận khi nào bà Đ cần tiền thì phải báo trước cho ông H, bà L trước 01 tháng để ông H, bà L thu xếp tiền trả và thỏa thuận miệng không viết vào giấy vay tiền đối với lãi suất vay 20%/năm, tiền lãi đóng hàng tháng.

Ông H, bà L có đưa cho bà Đ giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 842425 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 14/4/2009 cho hộ ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại buôn Đ, xã Y, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk. Còn các giấy vay trước đây bà Đ đã hủy hết.

Cuối năm 2020, bà Đ đến nhà ông H, bà L đề đòi nợ, nhưng bà L nói khoảng 02 tháng nữa sẽ bán nhà để trả số tiền nợ trên cho bà Đ. Từ khi vay đến nay ông H và bà L chưa trả được cho bà Đ bất kỳ khoản tiền nào. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu bà Võ Thị Kim L, ông Trầm Minh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử (Ngày 30/9/2021) với lãi suất 1,5%/tháng x 300.000.000 đồng x 54 tháng 04 ngày = 243.180.000 đồng và 02 cây vàng SJC.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 842425 của hộ ông H, bà L hiện bà Đ đang giữ; khi nào ông H, bà L trả đủ tiền cho bà Đ thì bà Đ sẽ trả lại giấy chứng nhận trên cho ông H, bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ khai: Số tiền 300.000.000 đồng viết trong giấy vay tiền ngày 26/3/2017 có nguồn gốc từ các khoản vay: Khoản 01 vay 80.000.000 đồng, không tính lãi; khoản 02 vay thêm 20.000.000 đồng cộng vào với khoản 01 (80.000.000 đồng) thành 100.000.000 đồng, tính lãi 1.400.000đồng/tháng (tức 1,4%/tháng); khoản 03 vay 100.000.000 đồng tính lãi 2.000.000đồng/tháng (tức 2%/tháng); khoản 04 vay thêm 100.000.000 đồng tính lãi 2.000.000đồng/tháng (tức 2%/tháng). Các khoản vay này đều vay trong năm 2016, bà Đ không nhớ được ngày, tháng vay. Ngày 26/3/2017, hai bên thống nhất chốt nợ và viết lại giấy vay với số tiền 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC. Tại thời điểm chốt nợ hai bên không thỏa thuận về việc tính lãi và không ghi việc tính lãi và lãi suất vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, trong 300.000.000 đồng có

200.000.000 đồng bà Đ cho vay với lãi suất 2%/tháng (24%/năm), 100.000.000 đồng cho vay với lãi suất 1,4%/tháng (16,8%/năm) nên bà Đ tính chung lại là lãi suất 20%/năm. Từ khi chót nợ đến nay ông H, bà L chưa trả tiền lãi cho bà Đ lần nào.

***Bị đơn ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L trình bày:***

Năm 2007, vợ chồng ông H, bà L có vay tiền của bà Đ, nhưng đến năm 2015 vợ chồng ông H, bà L đã trả hết số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Đến đầu năm 2016 (khoảng tháng 01/2016 âm lịch), bà Đ hứa sẽ cho ông H vay tiền để đầu tư công trình xây dựng và tính tiền lãi theo lãi suất ngân hàng. Khi đó, ông H cần tiền đầu tư làm ăn nên đã mượn của bà Đ số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm và tiếp tục mượn thêm 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm; cũng trong năm 2016, ông H tiếp tục vay của bà Đ 100.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm; sau đó, ông H cần tiền và mượn thêm 70.000.000 đồng nhưng bà Đ không có tiền mặt nên bà Đ cho mượn 02 cây vàng SJC (không nhớ rõ ngày, tháng vay mượn).

Ngày 02/8/2017, ông H cần thêm tiền để đầu tư vào công trình xây dựng nên vợ chồng ông H, bà L đến nhà bà Đ để vay thêm 100.000.000 đồng, nhưng bà Đ không có tiền mặt nên bà Đ vay dùm cho vợ chồng ông H, bà L 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T (Em dâu của bà Đ) và viết giấy vay 100.000.000 đồng để đưa cho bà T cất giữ.

Khoảng 03 tuần sau, bà Đ yêu cầu vợ chồng ông H, bà L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà Đ để bà Đ đưa cho bà T làm tin. Bà Đ nói vợ chồng ông H, bà L chưa đóng tiền lãi nên đã tính gộp số tiền vay của bà Đ là 200.000.000 đồng và vay của bà T 100.000.000 đồng thành 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC. Sau đó, bà Đ bắt vợ chồng ông H, bà L viết giấy vay 300.000.000 đồng, 02 cây vàng SJC và đưa cho bà Đ 01 bìa đỏ để làm tin. Giấy vay tiền ghi ngày 26/3/2017 nhưng thực tế viết vào cuối tháng 8/2017 (Sau ngày viết giấy vay bà T 100.000.000 đồng khoảng 03 tuần, giấy vay tiền bà T viết ngày 02/8/2017). Sở dĩ có việc viết lùi thời gian trong giấy vay tiền là do mấy tháng chưa trả được tiền lãi nên bà Đ yêu cầu viết lùi thời gian trong giấy vay tiền từ cuối tháng 8/2017 xuống thành 26/3/2017. Toàn bộ nội dung giấy vay tiền là do bà Đ đọc ông H viết theo và bà L cùng ông H ký vào.

Từ tháng 02/2016 âm lịch đến cuối tháng 12/2018 âm lịch, vợ chồng ông H, bà L đã đóng tiền lãi cho bà Đ 3.400.000 đồng/tháng x 35 tháng = 119.000.000 đồng, hai bên chỉ giao nhận tiền mà không lập giấy tờ giao nhận tiền để chứng minh.

Nay bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà L trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử (30/9/2021) với lãi suất là 1,5%/tháng x 300.000.000 đồng x 54 tháng 04 ngày = 243.180.000 đồng và 02 cây vàng SJC, thì ông H, bà L không đồng ý, vì vợ chồng bà L chỉ vay của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC nên ông H, bà L chỉ đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC. Còn số tiền lãi thì vợ chồng ông H, bà L đã đóng lãi hàng tháng cho bà Đ và hiện tại vợ chồng ông H, bà L không có công việc làm nên không có khả năng trả tiền lãi nữa. Nếu bà Đ bắt vợ chồng ông H, bà L trả cho bà Đ số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC thì ông H, bà L không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng đã vay của bà T. Vì vợ chồng ông H, bà L thỏa thuận với bà Đ số tiền vay của bà T 100.000.000 đồng đã cộng vào 200.000.000 đồng vay của bà Đ thành 300.000.000 đồng viết trong giấy vay ngày 26/3/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác nhận: Khi chốt nợ và viết giấy vay tiền ngày 26/3/2017, hai bên không thỏa thuận về việc tính lãi và lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC, không ghi lãi trong giấy vay tiền.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Ngày 02/8/2017, bà T cho ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L vay số tiền 100.000.000 đồng và có viết giấy vay; ông H và bà L không thể chấp, cầm cố tài sản gì khi vay. Việc ông H, bà L vay của bà Đ như thế nào thì bà T không biết, không liên quan.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ. Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Trầm Minh H phải trả cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền gốc 300.000.000 đồng và 6.972.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021. Tổng cộng là 306.972.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và 02 (Hai) cây vàng SJC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với số tiền lãi 236.208.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng).

3. Bà Huỳnh Thị Đ phải trả lại cho ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 842425 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 14/4/2009 cho hộ ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại buôn Đ, xã Y, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk khi ông H, bà L trả xong nợ.

4. Biện pháp khẩn tạm thời: Thực hiện theo Quyết định số 03/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trầm Minh H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Kim L phải chịu 10.474.500 đồng (Mười triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/10/2021, bị đơn bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Bà L, ông H chỉ nợ bà Đ số tiền gốc 200.000.000 đồng chứ không phải 300.000.000 đồng như bà Đ khởi kiện và đề nghị xem xét không tính tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Võ Thị Kim L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự – Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Kim L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất và phần án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm. Ngày 15/10/2021, bị đơn bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà L là trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Kim L, HĐXX xét thấy:

Vợ chồng ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L cho rằng trong năm 2016, vợ chồng ông bà chỉ vay của bà Đ tổng số tiền 200.000.000 đồng; đến tháng 8/2017 vay thêm của bà Đ 02 cây vàng SJC. Do chưa đóng tiền lãi mấy tháng nên bà Đ thỏa thuận với ông H, bà L gộp số tiền 100.000.000 đồng ông H, bà L vay của bà Nguyễn Thị T vào khoản nợ 200.000.000 đồng vay của bà Đ, rồi yêu cầu ông H, bà L viết giấy vay ngày 26/3/2017 với tổng số tiền 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC như bà Đ đã cung cấp. Tuy nhiên, ông H, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc số tiền 100.000.000 đồng ông bà vay của bà T có liên quan đến số tiền vay của bà Đ cũng như việc các bên thỏa thuận gộp tiền vay của bà T vào tiền vay của bà Đ, đồng thời lời trình bày của ông H, bà L không được bà Đ và bà T thừa nhận. Căn cứ Giấy vay ngày 26/3/2017 nội dung thể hiện rõ ông H, bà L vay của bà Đ số tiền 300.000.000 đồng và 02 cây vàng SJC, hoàn toàn không có nội dung thỏa thuận việc gộp khoản vay của bà T vào khoản vay của bà Đ và không thể hiện trong số tiền 300.000.000 đồng có bao gồm cả tiền lãi như ông bà trình bày. Ông H, bà L thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay này là của ông bà, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, không bị ai đe dọa ép buộc ký vào giấy vay.

Ông H, bà L cho rằng đã trả tiền lãi cho bà Đ nhiều lần nhưng không cung cấp được các giấy tờ ghi nhận việc đã trả lãi. Bà Đ chỉ thừa nhận ông H, bà L đã trả tiền gốc và lãi đối với các khoản vay từ trước cho đến năm 2015. Tại giấy vay tiền ngày 26/3/2017 không ghi việc có thỏa thuận tính lãi và lãi suất, cũng không ghi thời hạn trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất là có căn cứ, từ đó không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Đ yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, ngày 07/6/2021, ông H, bà L nhận được Thông báo thụ lý vụ án nên được coi là ngày bà Đ thông báo ông H, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn 01 tháng như nội dung thỏa thuận trong giấy vay. Hết thời hạn

01 tháng là ngày 07/7/2021 nhưng ông H, bà L không trả nợ, nên ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/7/2021. Tiền lãi tính từ ngày 08/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021 là: 300.000.000 đồng x 02 tháng 22 ngày x 10%/năm = 6.806.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính ra tiền lãi là 6.972.000 đồng là tính toán chưa chính xác nên cần sửa lại phần tính tiền lãi cho đúng. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông H, bà L phải trả cho bà Đ là 306.806.000 đồng và 02 cây vàng SJC.

Đối với kháng cáo của bà L đề nghị không tính tiền lãi: Ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần phải tính tiền lãi để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay là bà Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Đ không đồng ý miễn giảm tiền lãi cho bị đơn ông H, bà L.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng số tiền gốc và lãi ông H, bà L phải trả là 306.806.000 đồng và 112.000.000 đồng tiền giá trị 02 cây vàng SJC, tổng cộng 418.806.000 đồng là thuộc mức thu án phí đối với số tiền từ 400.000.000 đồng đến dưới 800.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tính mức án phí 5% giá trị tài sản tranh chấp là không đúng quy định, nên cần sửa phần án phí sơ thẩm như sau:

20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (18.806.000 đồng x 4%) = 20.752.240 (làm tròn 20.752.000 đồng) là tiền án phí sơ thẩm ông H, bà L phải chịu. Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm, bà L phải chịu  $\frac{1}{2}$  phần án phí còn lại là 10.376.000 đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Kim L, sửa bản án sơ thẩm về lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Kim L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về phần tính lãi suất và phần án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ. Buộc bà Võ Thị Kim L và ông Trầm Minh H phải trả cho bà Huỳnh Thị Đ tổng số tiền 306.806.000 đồng (Trong đó gồm: 300.000.000 đồng tiền gốc và 6.806.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021) và 02 cây vàng SJC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với số tiền lãi 236.374.000 đồng.

[2.3] Bà Huỳnh Thị Đ phải trả lại cho ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 842425 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 14/4/2009 cho hộ ông Trầm Minh H, bà Võ Thị Kim L, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại buôn Đ, xã Y, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk khi ông H, bà L trả xong nợ.

[2.4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thực hiện theo Quyết định số 03/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trầm Minh H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Kim L phải chịu 10.376.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L 300.000 đồng tiền tạm



ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0001609 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L1, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hằng**